

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG – T.D.K



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	1 – 3
2. Báo cáo kiểm toán	4
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	5 – 6
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	7
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	8 – 9
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	10 – 29

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, Tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long(sau đây viết tắt “Công ty”) hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010300446 ngày 27 tháng 7 năm 2001 và thay đổi lần thứ 13 số 0101164614 ngày 09 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Đầu tư, xây dựng, thương mại, kinh doanh bất động sản, dịch vụ.

Trụ sở chính của Công ty: Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Các Công ty con của Công ty:

TT	Tên Công ty con	Nơi thành lập	Ngành nghề chính
1	Công ty CP Đầu tư Thăng Long (Cty CP TNKS và BĐS Thăng Long)	Hà Nội	Bất động sản, khoáng sản
2	Công ty CP Toà nhà CNTT - Truyền thông Hà Nội	Hà Nội	Bất động sản, khoáng sản
3	Công ty CP Đầu tư Thăng Long Phú Thọ	Phú Thọ	Khoáng sản, đầu tư, dịch vụ
4	Công ty CP ĐT Phát triển Đô thị Sinh thái Vân Trì	Hà Nội	Xây dựng, bất động sản, dịch vụ
5	Công ty CP Dịch vụ du lịch và Thương mại cửa Tùng	Quảng Trị	Du lịch, thương mại
6	Công ty CP Truyền thông TCKK Việt Nam	Hà Nội	Dịch vụ, thương mại, truyền thông

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này .

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, Tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Phúc Long	Chủ tịch HĐQT	Bầu tháng 8/2001
Ông Trần Xuân Đại Thắng	Thành viên HĐQT	Bầu tháng 4/2009
Bà Hồ Thanh Hương	Thành viên HĐQT	Bầu tháng 4/2009
Ông Phạm Quang Tiến	Thành viên HĐQT	Bầu tháng 3/2010
Ông Nguyễn Xuân Biều	Thành viên HĐQT	Bầu tháng 3/2010

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Phạm Quang Tiến	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm tháng 8/2010
Bà Hồ Thanh Hương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm tháng 8/2010
Ông Trần Xuân Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc - Kế toán trưởng	Bổ nhiệm tháng 7/2007
Ông Torsten Illgen	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm tháng 8/2010

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Phúc Long



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội	: Số 23/61 đường Trần Duy Hưng	-Tel: (04)6 251 0008	-Fax: (04)6 251 1327
Chi nhánh Miền Nam	: C14, Quang Trung, phường 11	-Tel: (08)3 589 7462	-Fax: (08)3 589 7464
Chi nhánh Quận 1 - TP.HCM	: Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM	-Tel: (08)3 848 0763	-Fax: (08)3 526 7187
Chi nhánh Đà Nẵng	: Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng	-Tel: (0511) 3 651 818	-Fax: (0511) 3 651 868
Chi nhánh Lạng Sơn	: Tổ 2, khối 14, đường Bà Triệu	-Tel: (025)3 718 545	-Fax: (025)3 716 264

Số: 06/T/2011/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long và các công ty con được lập ngày 30 tháng 03 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 được trình bày từ trang 5 đến trang 29 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2011

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN

THĂNG LONG - T.D.K

Tổng Giám đốc



TU QUỲNH HẠNH

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0313/KTV

Kiểm toán viên

NGUYỄN TRUNG KIÊN

Chứng chỉ kiểm toán viên số 1129/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		133.511.408.427	117.897.618.762
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.206.819.072	22.227.557.061
1. Tiền	111	V.01	6.206.819.072	22.227.557.061
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	72.864.244.037	51.377.690.331
1. Đầu tư ngắn hạn	121		75.063.102.044	51.739.598.298
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(2.198.858.007)	(361.907.967)
III. Các khoản phải thu	130		20.966.088.222	35.823.133.193
1. Phải thu của khách hàng	131	V.03	9.298.977.017	260.025.400
2. Trả trước cho người bán	132		3.504.577.558	34.976.747.400
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	8.162.533.647	586.360.393
IV. Hàng tồn kho	140		2.849.338.917	1.152.488.678
1. Hàng tồn kho	141	V.05	2.849.338.917	1.152.488.678
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.624.918.179	7.316.749.499
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		166.079.059	49.233.521
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		878.569.757	478.438.341
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.06	103.507.521	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	29.476.761.842	6.789.077.637
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		173.168.323.089	56.231.107.219
II. Tài sản cố định	220		14.768.914.422	10.357.578.684
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	8.174.494.617	4.502.654.829
- Nguyên giá	222		12.316.287.529	7.454.177.506
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.141.792.912)	(2.951.522.677)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	766.097.218	871.930.555
- Nguyên giá	228		1.021.000.000	1.021.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(254.902.782)	(149.069.445)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	5.828.322.587	4.982.993.300
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		63.174.091.000	11.654.533.864
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			3.004.533.864
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	63.174.091.000	8.650.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		95.225.317.667	34.218.994.671
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	704.814.538	418.994.671
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	14.440.838.000	5.000.000.000
4. Lợi thế thương mại	269	V.14	80.079.665.129	28.800.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		306.679.731.516	174.128.725.981

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(tiếp)

Tại ngày 31/12/2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		58.394.331.107	39.857.913.492
I. Nợ ngắn hạn	310		58.254.193.957	27.085.180.382
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	36.095.333.331	4.888.930.232
2. Phải trả người bán	312		5.409.753.853	2.370.157.319
3. Người mua trả tiền trước	313		1.053.121.950	3.195.237.161
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2.111.213.542	1.093.016.810
5. Phải trả người lao động	315		476.241.497	207.265.121
6. Chi phí phải trả	316	V.17	430.670.102	42.646.452
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	12.922.162.859	15.246.830.464
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(244.303.177)	41.096.823
II. Nợ dài hạn	330		140.137.150	12.772.733.110
3. Phải trả dài hạn khác	333			12.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	127.795.150	760.391.110
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		12.342.000	12.342.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		172.018.436.437	108.647.343.625
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	172.018.436.437	108.647.343.625
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	105.957.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.018.436.437	2.690.343.625
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		76.266.963.972	25.623.468.864
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		306.679.731.516	174.128.725.981

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

PHẠM THỊ THANH MAI

Kế toán trưởng

TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG

Chủ tịch HĐQT



NGUYỄN PHÚC LONG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.21	65.797.900.895	6.049.600.556
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		65.797.900.895	6.049.600.556
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.22	63.566.704.925	3.664.056.011
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.231.195.970	2.385.544.545
21	6. Doanh thu tài chính	VI.23	74.623.923.166	25.827.063.894
22	7. Chi phí tài chính	VI.24	30.178.266.238	19.281.816.028
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		11.356.503.746	372.849.613
24	8. Chi phí bán hàng		43.971.667	
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		11.397.037.993	3.700.996.762
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		35.235.843.238	5.229.795.649
31	11. Thu nhập khác	VI.25	1.159.873.896	328.803.798
32	12. Chi phí khác	VI.26	1.399.636.240	737.795.077
40	13. Lợi nhuận khác		(239.762.344)	(408.991.279)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		34.996.080.894	4.820.804.370
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.27	9.523.110.954	871.339.606
52	16. Thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		25.472.969.940	3.949.464.764
61	18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		6.072.247.899	644.062.821
62	18.2 Lãi thuộc về các cổ đông của Cty mẹ		19.400.722.042	3.305.401.943
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.28	1.309	

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu



PHẠM THỊ THANH MAI

Kế toán trưởng



TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG

Chủ tịch HĐQT



NGUYỄN PHÚC LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.996.080.894	4.820.804.370
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.296.103.572	1.531.748.367
- Các khoản dự phòng	03		2.198.858.007	361.907.967
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(52.702.579.474)	6.919.112.442
- Chi phí lãi vay	06		11.356.503.746	372.849.613
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.855.033.255)	14.006.422.759
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		14.857.044.971	(34.283.588.988)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(1.696.850.239)	(1.083.689.696)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		206.913.653	37.760.838.117
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(402.665.405)	(389.052.734)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(11.356.503.746)	(372.849.613)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8.746.613.358)	(112.437.781)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	12.000.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(9.136.365.901)	(11.506.246.711)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		(19.130.073.280)	16.019.395.353
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(5.262.019.729)	(5.216.308.618)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(425.802.265.666)	(42.782.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		396.809.943.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(45.699.091.000)	(51.739.598.298)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.861.779.333	1.121.068.360
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(71.091.654.062)	(98.617.338.556)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		44.043.000.000	93.477.000.000

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	105.430.628.810	383.186.497
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(75.272.639.457)	(324.695.319)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40	74.200.989.353	93.535.491.178
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(16.020.737.989)	10.937.547.975
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.227.557.061	11.290.009.086
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.206.819.072	22.227.557.061

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



PHẠM THỊ THANH MAI

TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG

NGUYỄN PHÚC LONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long (sau đây viết tắt “Công ty”) hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010300446 ngày 27 tháng 7 năm 2001 và thay đổi lần thứ 13 số 0101164614 ngày 09 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Đầu tư.
- Thương mại, dịch vụ
- Kinh doanh bất động sản

3. Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Dịch vụ quảng cáo thương mại và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- ✓ Tổ chức hội chợ triển lãm và các sự kiện văn hóa thể thao;
- ✓ Tổ chức biểu diễn văn hóa nghệ thuật;
- ✓ Đại lý kinh doanh xuất bản phẩm được phép lưu hành;
- ✓ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, khu vui chơi giải trí và công trình văn hóa;
- ✓ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và cơ sở hạ tầng;
- ✓ Đầu tư nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa- thể thao;
- ✓ Đầu tư, khai thác, kinh doanh khu vui chơi giải trí (Trừ loại Nhà nước cấm), văn hóa thể thao;
- ✓ Đầu tư, khai thác, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ truyền thông đa phương tiện (Trong lĩnh vực Nhà nước cho phép);
- ✓ Tư vấn đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp; Tư vấn đầu tư; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán);
- ✓ Kinh doanh vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức và kim loại quý khác (không bao gồm các loại Nhà nước cấm);
- ✓ Dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ ngành kim hoàn;
- ✓ Tư vấn, gia công, chế tác vàng bạc, đá quý, đồ trang sức;
- ✓ Dịch vụ chuyên môn về vàng, bạc, đá quý: cân thử, xác định chất lượng, sửa chữa, tư vấn thời trang vàng, bạc, đá quý;

- ✓ Mua bán máy móc, thiết bị ngành kim hoàn;
- ✓ Đào tạo, dạy nghề trong lĩnh vực: kim hoàn, ngoại ngữ, tin học, quản trị văn phòng, chiến lược kinh doanh, marketing (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- ✓ Lập trình máy tính, tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;
- ✓ Dịch vụ cầm đồ;
- ✓ Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- ✓ Sản xuất, mua bán, chế biến các mặt hàng nông lâm, thủy hải sản, đồ gỗ mỹ nghệ (Không bao gồm các loại gỗ và lâm sản Nhà nước cấm);
- ✓ Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- ✓ Môi giới thương mại, đại diện thương nhân và xúc tiến đầu tư (trong kinh doanh vàng);
- ✓ Dịch vụ lưu trữ, xử lý và cung cấp thông tin vui chơi giải trí với phát thanh, truyền hình, điện thoại và các phương tiện thông tin đại chúng (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm);
- ✓ Phát triển phần mềm máy tính, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học;
- ✓ Nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa- thể thao;
- ✓ Tư vấn đầu tư và chuyển giao khoa học, công nghệ và môi trường, giáo dục, văn hóa- thể thao;
- ✓ Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ phục vụ ngành công nghiệp vừa và nhỏ (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- ✓ Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- ✓ Khảo sát, giám sát công trình xây dựng;
- ✓ Lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, soạn thảo hồ sơ mời thầu;
- ✓ Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- ✓ Nhận ủy thác đầu tư (không bao gồm nhận ủy thác đầu tư tài chính);
- ✓ Sản xuất, xây dựng, phát triển, cung cấp, triển khai các sản phẩm và dịch vụ phần mềm;
- ✓ Tư vấn thi công và lắp đặt hệ thống máy tính và hệ thống tin học, thiết kế, tạo lập trang chủ trên internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng, phần mềm và các công nghệ truyền thông;
- ✓ Sản xuất, buôn bán thiết bị tin học, viễn thông, văn phòng, phòng cháy, chữa cháy, thiết bị bảo vệ;
- ✓ Đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp phần mềm, phần cứng viễn thông (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- ✓ Đại lý dịch vụ điện tử, tin học, viễn thông, internet và công nghệ thông tin;
- ✓ Cung cấp nội dung và dịch vụ giá trị gia tăng trên máy tính và mạng điện thoại di động;
- ✓ Sản xuất, chế biến, khai thác và mua bán khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- ✓ Mua bán và cho thuê máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và môi trường: nội thất, điện, điện tử, tin học, viễn thông (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật);

- ✓ Dịch vụ tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và môi trường, nội thất, điện, điện tử, tin học, viễn thông;
- ✓ Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- ✓ Công thông tin;
- ✓ Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- ✓ Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận về sản phẩm doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ điều tra thông tin Nhà nước cấm);
- ✓ Dịch vụ liên quan đến in;
- ✓ Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ (trừ phương thức vận tải bằng xe buýt và đường sắt);
- ✓ Dịch vụ tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất nhập khẩu lao động);
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ✓ Tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ định giá bất động sản);
- ✓ Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản.

4. Đặc điểm hoạt động kinh doanh trong năm :

Trong năm 2010, Công ty mẹ thực hiện việc chuyển nhượng các khoản đầu tư tại các Công ty con do Công ty mẹ nắm giữ cho các cá nhân khác với khối lượng lớn làm cho lợi nhuận tăng đột biến so với năm trước.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/ 2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ cổ phần chi phối tại ngày 31/12/2010. Các nghiệp vụ lưu chuyển nội bộ, các số dư công nợ nội bộ, nguồn vốn đầu tư nội bộ, doanh thu và giá vốn nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định và trình bày riêng biệt trong mục “Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số”. Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty con

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

TT	Tên Công ty con	Nơi thành lập	Vốn điều lệ	Tỷ lệ phần sở hữu	Ngành nghề chính
1	Công ty CP Đầu tư Thăng Long (Cty CP TNKS và BĐS Thăng Long)	Hà Nội	60.000.000.000	60%	Bất động sản, khoáng sản
2	Công ty CP Tòa nhà CNTT - Truyền thông Hà Nội	Hà Nội	80.000.000.000	50%	Bất động sản, khoáng sản
3	Công ty CP Đầu tư Thăng Long Phú Thọ	Phú Thọ	60.000.000.000	60%	Khoáng sản, đầu tư, dịch vụ
4	Công ty CP ĐT Phát triển Đô thị Sinh thái Vân Trì	Hà Nội	160.000.000.000	65%	Xây dựng, bất động sản, dịch vụ
5	Công ty CP Dịch vụ du lịch và Thương mại cửa Tùng	Quảng Trị	20.000.000.000	85%	Du lịch, thương mại
6	Công ty CP Truyền thông TCCK Việt Nam	Hà Nội	10.000.000.000	51%	Dịch vụ, thương mại

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**2.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/12/2010 Công ty không có loại hàng hóa nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Tại thời điểm 31/12/2010 Công ty không có khoản công nợ phải thu nào cần phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi..

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định không tham gia và hoạt động sản xuất và hoạt động dưới công suất theo Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20	Năm
- Máy móc, thiết bị	10	Năm
- Phương tiện vận tải	5 - 6	Năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5	Năm
- Bản quyền, bằng phát minh sáng chế	20	Năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**6.1. Nguyên tắc ghi nhận**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

6.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính**- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế	Vốn chủ sở hữu thực có	Vốn đầu tư của doanh nghiệp
			$\frac{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}$

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán :

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính	x	Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán	Giá chứng khoán thực tế trên thị trường
---	---	---	---	--

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên các sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Tại thời điểm 31/12/2010 Công ty và các công ty con thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.(thuyết minh V.02).

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: Chi phí lãi vay

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**Chi phí tài chính:**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để bù trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính hợp nhất do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Tiền mặt tại quỹ	873.029.594	21.623.908.518
- Tiền gửi ngân hàng	5.333.789.478	105.648.543
- Tiền đang chuyển		498.000.000
Cộng	<u>6.206.819.072</u>	<u>22.227.557.061</u>

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	7.413.399.607	2.747.809.067
- Đầu tư ngắn hạn khác	67.649.702.437	48.991.789.231
- Cho Cty CP kinh doanh vàng Quốc tế vay		22.782.500.000
- Cho Cty CP Bất động sản Hà Thành vay	7.276.972.813	20.000.000.000
- Công ty Hòa Thanh vay	287.729.624	209.289.231
- Gửi tiết kiệm Ngân hàng Nam Việt		6.000.000.000
- Cho Cty CP CK TM&CN Việt Nam vay	60.000.000.000	
- Đầu tư ngắn hạn khác	85.000.000	
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(2.198.858.007)	(361.907.967)
Cộng	72.864.244.037	51.377.690.331

(*): Các khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được thực hiện phù hợp với quy định hiện hành.

03. Phải thu khách hàng

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyễn Thị Tính	7.660.000.000	
Công ty X Value	1.360.000.000	
Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	112.201.100	
Công ty CP Chứng khoán VICS	9.236.467	
Lê Thị Hoa	7.503.500	
Đối tượng khác	150.035.950	177.043.499
Công ty CP Truyền thông Tài chính Chứng khoán Việt Nam		82.981.901
Cộng	9.298.977.017	260.025.400

04. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu khác	6.853.635.344	423.440.293
+ Cho vay cá nhân	6.400.000.000	
+ Cho vay tổ chức	300.000.000	
+ Phải thu khác	153.635.344	
- Lãi cho các tổ chức cá nhân vay	1.308.898.303	162.920.100
Cộng	8.162.533.647	586.360.393

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

05. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
- Công cụ, dụng cụ	59.040.000	
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	2.661.191.409	1.083.689.696
- Thành phẩm	129.107.508	68.798.982
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	2.849.338.917	1.152.488.678

* Chi phí SXKD dở dang là các hạng mục đang thi công của các gói thầu thuộc Công ty CP Dịch vụ Du lịch và thương mại Cửa Tùng, Công ty CP TNKS và BĐS Thăng Long và chi phí của Ban quản lý các dự án thuộc Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long.

06. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	97.369.408	-
- Thuế Thu nhập cá nhân nộp thừa	6.138.113	
Cộng	103.507.521	-

07. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
- Tạm ứng	29.476.761.842	6.789.077.637
Cộng	29.476.761.842	6.789.077.637

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện Vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	1.750.000.000	4.808.190.493	895.987.013	7.454.177.506
- Mua trong kỳ		4.637.380.000	624.639.729	5.262.019.729
- Tăng khác			12.714.286	12.714.286
- Giảm khác			(412.623.992)	(412.623.992)
Số dư cuối kỳ	1.750.000.000	9.445.570.493	1.120.717.036	12.316.287.529
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	279.999.984	2.363.665.478	307.857.214	2.951.522.67
- Số khấu hao trong kỳ	70.000.000	1.255.492.996	268.218.677	1.593.711.673
- Tăng khác			9.182.554	9.182.554
- Thanh lý, nhượng bán			(412.623.992)	(412.623.992)
Số dư cuối kỳ	349.999.984	3.619.158.474	172.634.453	4.141.792.912
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu kỳ	1.470.000.016	2.444.525.015	588.129.799	4.502.654.829
2. Tại ngày cuối kỳ	1.400.000.016	5.826.412.019	948.082.583	8.174.494.617

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm Kế toán	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	16.000.000	1.005.000.000	1.021.000.000
Số dư cuối kỳ	16.000.000	1.005.000.000	1.021.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.777.778	147.291.667	149.069.445
- Số khấu hao trong kỳ	5.333.328	100.500.006	105.833.334
Số dư cuối kỳ	7.111.106	247.791.676	254.902.782
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu kỳ	14.222.222	857.708.333	871.930.555
2. Tại ngày cuối kỳ	8.888.894	757.208.324	766.097.218

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	5.828.322.587	374.473.300
Mua sắm tài sản cố định		4.608.520.000
Cộng	5.828.322.587	4.982.993.300

(*): Chi phí đầu tư xây dựng khu nghỉ dưỡng nước khoáng nóng Bảo Yên (Phú Thọ), khu resort Cửa Tùng (Quảng Trị), dự án Tòa nhà Hanoi ITC, dự án khu sinh thái Vân Trì.

11. Đầu tư dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
- Đầu tư vào Cty CP CK TM&CN Việt Nam	54.450.000.000	8.550.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	8.724.091.000	100.000.000
+ Đầu tư dự án nhà ở CBNV Cty CP Cao su chất dẻo Đại Mỹ	8.365.568.250	
+ Cho Cty TNHH Kỹ thuật Xây dựng Hà Nội vay	258.522.750	
- Đầu tư dự án Báo KTĐT cùng Công ty CP Handic	100.000.000	
Cộng	63.174.091.000	8.650.000.000

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Giá trị Công cụ dụng cụ xuất dùng	370.464.394	57.479.469
Chi phí sửa chữa vẫn phòng	139.425.977	238.461.035

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

- Chi phí sửa chữa xe	80.864.167	123.054.167
- Chi phí khác	114.060.000	
Cộng	704.814.538	418.994.671
13. Tài sản dài hạn khác		
	Cuối năm	Đầu năm
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	14.440.838.000	5.000.000.000
Cộng	14.440.838.000	5.000.000.000
14 Lợi thế thương mại		
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Long (Công ty CP TNKS và BĐS Thăng Long)	15.300.000.000	17.100.000.000
Công ty CP toà nhà CNTT -Truyền thông Hà Nội	6.461.538.462	11.700.000.000
Công ty CP Dịch vụ Du lịch và Thương mại Cửa Tùng	16.583.126.667	-
Công ty CP Đầu tư Thăng Long - Phú Thọ	13.560.000.000	-
Công ty CP Đầu tư phát triển đô thị sinh thái Vân Trì	28.175.000.000	-
Cộng	80.079.665.129	28.800.000.000
15. Vay và nợ ngắn hạn		
	Cuối năm	Đầu năm
- Vay ngắn hạn	35.459.110.935	4.249.081.400
+ Cty CP Chứng khoán TM&CN Việt Nam	7.409.915.102	1.349.081.400
+ Cty CP VH - TT Thăng Long	2.863.270.833	2.900.000.000
+ Vay cá nhân	25.185.925.000	
- Nợ dài hạn đến hạn trả	636.222.396	639.848.832
- Ngân hàng An Bình	375.000.000	375.000.000
- Ngân hàng ANZ	188.139.408	191.765.844
- Ngân hàng HSBC	73.082.988	73.082.988
Cộng	36.095.333.331	4.888.930.232
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế GTGT		188.969.129
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.753.525.996	858.563.094
- Thuế thu nhập cá nhân	357.687.546	45.243.423
- Các loại thuế khác		241.164
Cộng	2.111.213.542	1.093.016.810

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THẮNG LONG

Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

17. Chi phí phải trả

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay phải trả	430.670.102	
- Chi phí nhân công giao khoán		42.646.452
Cộng	<u>430.670.102</u>	<u>42.646.452</u>

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Bảo hiểm xã hội	1.451.199	26.143.222
- Bảo hiểm y tế	14.627	4.870.138
- Bảo hiểm thất nghiệp	6.500	8.526.583
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.000.000.000	
+ Nhận đặt cọc của Cty CP Đầu tư BĐS Megastar	12.000.000.000	12.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	920.690.533	3.207.290.521
Cộng	<u>12.922.162.859</u>	<u>15.246.830.464</u>

19. Vay và nợ dài hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- <i>Vay dài hạn</i>		
- Vay ngân hàng ANZ	48.621.950	233.134.922
- Vay ngân hàng HSBC	79.173.200	152.256.188
- Vay ngân hàng An Bình		375.000.000
Cộng	<u>127.795.150</u>	<u>760.391.110</u>

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
Số dư đầu năm trước	15.000.000.000	749.828.408	15.749.828.408
Tăng vốn trong năm trước	93.477.000.000		93.477.000.000
Lãi trong năm trước		3.305.401.943	3.305.401.943
Giảm khác	2.520.000.000	1.364.886.726	3.884.886.726
Số dư đầu năm nay	105.957.000.000	2.690.343.625	108.647.343.625
Tăng vốn trong năm nay	44.043.000.000		44.043.000.000
Lãi trong năm nay		19.400.722.042	19.400.722.042
Giảm khác		(72.629.234)(*)	(72.629.234)
Số dư cuối năm nay	<u>150.000.000.000</u>	<u>22.018.436.437</u>	<u>172.018.436.437</u>

(*): Giám do điều chỉnh các khoản thu thuế phải nộp bổ sung và phạt vi phạm hành chính về thuế kỳ quyết toán thuế TNDN năm 2007, 2008.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THẮNG LONG

Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Theo giấy chứng nhận ĐKKD	Vốn đã góp tại 31/12/2010	Vốn đã góp tại 31/12/2009
	%	VND	VND
Cổ đông sáng lập	28,00%	42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ đông khác	72,00%	108.000.000.000	63.957.000.000
	100,00%	150.000.000.000	105.957.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010	Năm 2009
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	105.957.000.000	15.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	44.043.000.000	93.477.000.000
Vốn góp giảm trong năm	0	2.520.000.000
Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	105.957.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0

d. Cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.404.300	9.095.700
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.404.300	9.095.700
Cổ phiếu phổ thông	4.404.300	9.095.700
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	10.595.700
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	10.595.700

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	65.797.900.895	6.049.600.556
Cộng	65.797.900.895	6.049.600.556

22. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa đã bán	63.566.704.925	3.664.056.011
Cộng	63.566.704.925	3.664.056.011

23. Doanh thu tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.762.198.133	1.121.068.360
- Cổ tức được chia	3.099.581.200	0
- Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính	65.762.143.833	24.705.995.534
Cộng	74.623.923.166	25.827.063.894

24. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	11.356.503.746	372.849.613
- Chi phí hoạt động đầu tư tài chính	18.821.762.492	18.908.966.415
Cộng	30.178.266.238	19.281.816.028

25. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu từ thanh lý tài sản	9.062.147	298.619.962
- Thu bồi thường vi phạm hợp đồng	1.144.464.750	-
- Thu khác	6.346.999	30.183.836
Cộng	1.159.873.896	328.803.798

26. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Tài trợ Liên đoàn bóng chuyên, Cựu chiến binh	80.000.000	
Ủng hộ xây nhà tình nghĩa	150.000.000	
Thanh lý hàng tồn kho	68.798.982	298.619.962
Phạt vi phạm hợp đồng	1.095.194.100	
Chi khác	5.643.158	439.175.115
Cộng	1.399.636.240	737.795.077

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	34.996.080.894	4.820.804.370
- Điều chỉnh tăng	6.350.842.193	405.010.463
- Điều chỉnh giảm	3.254.479.273	246.731.370
Thu nhập chịu thuế	38.092.443.814	4.979.083.463
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Thuế được giảm		373.431.260
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.523.110.954	871.339.606

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THĂNG LONG

Phòng 502, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.400.722.042	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	19.400.722.042	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.816.488	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu(đồng/1 cổ phần)	1.309	

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	276.339.412	18.556.724
- Chi phí nhân công	1.367.004.468	2.351.360.060
- Chi phí khấu hao TSCĐ	390.772.617	1.531.748.367
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.125.908.373	3.061.743.863
- Chi phí khác bằng tiền	70.803.718.048	401.643.759
Cộng	74.963.742.918	7.365.052.773

VII. Những thông tin khác**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Công ty chuyển trụ sở chính về P 507 – 509, tầng 5 Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Hà Nội.

2. Các bên liên quan**2.1 Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	<i>Đơn vị tính: VND</i>
			Giá trị giao dịch
Công ty CP Văn hóa - Thông tin Thăng Long	Công ty liên kết	Thoái vốn	3.000.000.000
Ông Nguyễn Phúc Long	Chủ tịch HĐQT Công ty	Thanh lý hợp đồng ủy thác	8.138.812.500
Ông Trần Xuân Đại Thắng	Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc công ty	Thanh lý hợp đồng ủy thác	1.166.121.600

Cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các bên liên quan chưa thanh toán các khoản như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Công ty Cổ phần Chứng khoán TM và CN Việt Nam	Công ty liên quan	Phải thu khách hàng	60.365.417
		Phải trả người bán	234.125.707
		Phải thu khác	655.632.889
		Chi phí lãi vay phải trả	180.800.000
		Phải trả khác	610.400.000
		Cho vay ngắn hạn	60.000.000.000
		Vay ngắn hạn	7.409.315.102

2.2 Thù lao, thu nhập trả cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc:

Đơn vị tính:
VND
Năm 2010

Ông Nguyễn Phúc Long	Chủ tịch Hội đồng quản trị	275.200.000
Ông Phạm Quang Tiến	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	384.116.667
Ông Trần Xuân Đại Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	210.825.175
Ông Torsten ILLgen	Phó tổng giám đốc	87.790.500
Bà Hồ Thanh Hương	Thành viên Hội đồng quản trị	117.500.000
Ông Nguyễn Xuân Biểu	Thành viên Hội đồng quản trị	16.000.000

3. Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, kế toán và Tư vấn thuế AAT. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 để so sánh với số liệu năm nay.

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

PHẠM THỊ THANH MAI

Kế toán trưởng

TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG

Chủ tịch HĐQT



NGUYỄN PHÚC LONG